

Bản án số: **04/2022/KDTM-ST**

Ngày: 17/02/2022

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo
Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-KDTM ngày 20/7/2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 23/TB-TA ngày 16/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-KDTM ngày 04/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-KDTM ngày 27/10/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 23/2021/QĐST-KDTM, ngày 19/11/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 23/TB-TA, ngày 06/12/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP X**; Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà Vincomer Center, số 72 đường T, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh H, địa chỉ: 259-261 đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng. Ông Đ ủy quyền lại cho ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp và ông Nguyễn Quốc T - Chức vụ: Trưởng bộ phận hỗ trợ tín dụng tham gia tố tụng (Ông T và ông T có mặt).

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH Dịch vụ T**; Địa chỉ: K194/37 đường P, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Tố L, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Tố L, sinh năm 1978;

2. Chị Nguyễn Nhật L, sinh năm 2000;

3. Anh Nguyễn Nhật L, sinh năm 2013;

Cùng địa chỉ: K194/37 đường Đ, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Chị L, anh L vắng mặt; Bà L vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Thành N (đã chết);

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành N:*

- + Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1943;
- + Bà Trần Thị Tố L, sinh năm 1978;
- + Chị Nguyễn Nhật L, sinh năm 2000;
- + Anh Nguyễn Nhật L, sinh ngày 28/6/2003.
- + Cháu Nguyễn Nhật N, sinh ngày 21/11/2013;
- + Cháu Nguyễn Nhật An N, sinh ngày 31/7/2021;

Cùng địa chỉ: K194/37 đường Đ, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Bà N, chị L, anh L, cháu N, Cháu N vắng mặt; Bà L vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Nhật N và Nguyễn Nhật N:* Bà Trần Thị Tố L, sinh năm 1978; Địa chỉ: K194/37 đường Đ, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, là mẹ ruột. (Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Công ty TNHH Dịch vụ T đã ký với Ngân hàng X các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201600331 ngày 04/4/2016 vay số tiền 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng); Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201601127 ngày 04/4/2016; Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số: 01 LA-201600331, ngày 18/5/2016. Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh trả góp; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng; sau thời gian cố định sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12T lãi cuối kỳ + 3,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi nhãn hiệu THACO; màu trắng đỏ vàng xám; biển kiểm soát: 43B-015.60; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015199 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 05/8/2013 đứng tên Công ty TNHH DV T, theo Hợp đồng thế chấp số 19/2016-DN ngày 04/4/2016;

2. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201600881 ngày 03/8/2016 vay số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201602855 ngày 03/8/2016. Mục đích vay: Mua xe ô tô khách 29 chỗ, hiệu THACO; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng; sau thời gian cố định sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12T lãi cuối kỳ + 3,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: Xe ô tô khách 29 chỗ, hiệu THACO; màu trắng; biển kiểm soát: 43B-028.61; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025845 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 30/7/2016 đứng tên Công ty TNHH DV T, theo Hợp đồng thế chấp số 79/2016-DN ngày 03/8/2016.

3. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201600782 ngày 11/7/2016 vay số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng); Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201602515 ngày 11/7/2016; Mục đích vay: Mua xe ô tô khách 29 chỗ, hiệu Thaco; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng; sau thời gian cố định sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12T lãi cuối kỳ + 3,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi nhãn hiệu THACO; màu trắng xám; biển kiểm soát: 43B-026.31; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024836 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà

Năng cấp ngày 17/7/2016 đứng tên Công ty TNHH DV T, theo Hợp đồng thế chấp số 66/2016-DN ngày 11/7/2016.

4. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201601337 ngày 17/11/2016 vay số tiền 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201604344; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô khách 29 chỗ, hiệu Samco; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng; sau thời gian cố định sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12T lãi cuối kỳ + 3,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi nhãn hiệu Samco; màu trắng xám; biển kiểm soát: 43B-030.93; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029871 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 15/11/2016 đứng tên Công ty TNHH T, theo Hợp đồng thế chấp số 105/2016-DN ngày 17/11/2016.

5. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201700301 ngày 08/3/2017 vay số tiền 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng); Khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201700932; Mục đích vay: Mua xe ô tô khách 29 chỗ, hiệu Thaco; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: 10%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng; sau thời gian cố định sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12T lãi cuối kỳ + 3,5%/năm (Theo biểu lãi suất số 611/2017/EIB/TB-TGD ngày 23/01/2017); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi nhãn hiệu Thaco; màu trắng; biển kiểm soát: 43B-032.67; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034510 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 01/3/2017 đứng tên Công ty TNHH DV T, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 24/2017-DN ngày 07/3/2017.

6. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201701901 ngày 07/12/2017 vay số tiền 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng); Khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201706149; Mục đích vay: Mua xe ô tô khách 47 chỗ, hiệu AUTO; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất cho vay: 9,5%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng; sau thời gian cố định sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 24T lãi cuối kỳ + 3,0%/năm (Theo chương trình FIN VEHICLES-L@); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: Xe ô tô khách 47 chỗ, hiệu AUTO; màu trắng; biển kiểm soát: 43B-038.75; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 047373 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 04/12/2017 đứng tên Công ty TNHH DV T, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 24/2017-DN ngày 07/12/2017.

7. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800520 ngày 27/3/2018 vay số tiền 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng); Khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201801544; Mục đích vay: Mua xe ô tô khách 47 chỗ, hiệu THACO; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng; các tháng tiếp theo lãi suất áp dụng bằng LSTK 24T LCK + 3%; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Lãi chậm trả: 10%/năm. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: Xe ô tô khách 47 chỗ, hiệu THACO; màu trắng; biển kiểm soát: 43B-040.04; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 052036 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 14/3/2018 đứng tên Công ty TNHH DV T, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 22/2018-DN ngày 27/3/2018.

8. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018 vay số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng); Khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201802799

ngày 08/6/2018; Mục đích vay: Mua xe ô tô khách 29 chỗ, hiệu Thaco; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: 9,5%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng; các tháng tiếp theo lãi suất áp dụng bằng LSTK 24T LCK + 3%; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Lãi chậm trả: 10%/năm. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi nhãn hiệu THACO; màu sơn trắng; biển kiểm soát: 43B-042.85; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 056013 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 31/5/2018 đứng tên Công ty TNHH DV T, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 48/2018-DN ngày 05/6/2018.

9. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019 vay số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng); Khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-190002299 ngày 06/8/2019; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: 10,5%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng; sau thời gian cố định lãi suất sẽ bằng LSTK 24T LCK + 3,5%; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Lãi chậm trả: 10%/năm; Mục đích vay: Mua xe ô tô khách 29 chỗ, hiệu Hyundai. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi nhãn hiệu HUYNDAI; màu trắng; biển kiểm soát: 43B-051.42; số khung B7HPKB000340; số máy D4GAKJ261775; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 078539 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 26/7/2019 đứng tên Công ty TNHH DV T, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 65/2019-DN ngày 06/8/2019.

10. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019 vay số tiền 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) cụ thể tại 19 khế ước nhận nợ; Mục đích vay: Thanh toán tiền xăng dầu và công nợ, tiền lương công nhân; tiền vận chuyển hành khách; Thời hạn vay: 160 ngày cụ thể của từng lần nhận nợ; Lãi suất cho vay: 9%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Lãi phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại địa chỉ K194/37 đường Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 569638 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/11/2015 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thành N và bà Trần Thị Tố L theo Hợp đồng thế chấp số 39/2016-DN, ngày 18/5/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01-39/2016-DN, ngày 17/9/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng X đã nhiều lần liên lạc và làm việc nhưng Công ty T vẫn không có thiện chí trả nợ. Các khoản nợ vay của Công ty T đã quá hạn kể từ ngày 23/01/2020. Tính đến ngày 17/01/2022 Công ty T còn nợ Ngân hàng X tổng số tiền của tất cả các Hợp đồng nêu trên là 6.381.468.485đ; trong đó nợ gốc: 4.645.793.918đ; nợ lãi trong hạn: 595.088.917đ; lãi quá hạn 1.068.385.529đ; lãi phạt chậm trả lãi: 72.200.121đ.

Sau khi Ngân hàng nộp đơn khởi cho đến nay Công ty T đã tất toán được khoản nợ vay của các Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-20260782 ngày 11/7/2016; 1600-LAV-201700301 ngày 08/3/2017; 1600-LAV-201601337 ngày 17/11/2016; 1600-LAV-201600881 ngày 03/8/2016 và trả hết toàn bộ số tiền gốc của các Hợp đồng số 1600-LAV-201600331 ngày 04/4/2016; 1600-LAV- 201701901 ngày 07/12/2017; 1600-

LAV-201800520 ngày 27/3/2018. Tổng số tiền đã trả là 3.588.761.082đ tiền nợ gốc và 136.478.479đ tiền nợ lãi.

Nay Ngân hàng TMCP X Việt Nam rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 04 Hợp đồng đã tắt toán và số tiền gốc của 03 Hợp nêu trên, buộc Công ty TNHH Dịch vụ T phải trả số tiền nợ còn lại, cụ thể tại các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201600331 ngày 04/4/2016; Nợ gốc: 0đ; Nợ lãi trong hạn: 12.555.512đ; Nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 25.541.291đ; Tổng cộng: 38.096.803đ

2. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019; Nợ gốc: 686.662.000đ; Nợ lãi trong hạn: 132.453.985; Nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 44.739.876đ; Lãi trên số tiền lãi chậm trả: 13.596.942đ; Tổng cộng: 877.452.803đ.

3. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201701901 ngày 07/12/2017; Nợ gốc: 0đ; Nợ lãi trong hạn: 57.827.292đ; Nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 56.706.983đ; Lãi trên số tiền lãi chậm trả: 7.716.369đ; Tổng cộng: 122.250.644đ.

4. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800520 ngày 27/3/2018; Nợ gốc: 0đ; Nợ lãi trong hạn: 159.665.249đ; Nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 76.558.546đ; Lãi trên số tiền lãi chậm trả: 18.440.340đ; Tổng cộng: 254.664.135đ.

5. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018; Nợ gốc: 824.930.000đ; Nợ lãi trong hạn: 145.484.139đ; Nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 72.275.094đ; Lãi trên số tiền lãi chậm trả: 16.028.203đ; Tổng cộng: 1.058.717.463đ

6. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019; Nợ gốc: 3.134.201.918đ; Nợ lãi trong hạn: 87.102.740đ; Nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 792.563.739đ; Lãi trên số tiền lãi chậm trả: 16.418.267đ.; Tổng cộng: 4.030.286.664đ.

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP X yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ T phải trả của 06 Hợp đồng nêu trên là: 6.381.468.485đ; trong đó nợ gốc: 4.645.793.918đ; nợ lãi trong hạn: 595.088.917đ; lãi quá hạn 1.068.385.529đ; lãi phạt chậm trả lãi: 72.200.121đ (lãi tính đến ngày 17/01/2022) và rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với 04 Hợp đồng đã tắt toán và 03 Hợp đồng đã trả hết số tiền nợ gốc. Đối với tài sản thế chấp đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019; 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019; 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018, nếu Công ty TNHH Dịch vụ T không trả số tiền nợ nói trên thì đề nghị Tòa án cho phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là xe ô tô và quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp và Bản cam kết mà các bên đã ký.

* Bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ T có đơn xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Nguyên đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tố L và bà L đại diện hợp pháp cho hai cháu Nguyễn Nhật N và Nguyễn Nhật An N cùng với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành N bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Nhật L, anh Nguyễn Nhật L, cháu Nguyễn Nhật N, cháu Nguyễn Nhật An N đều vắng mặt và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết

định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 04 Hợp đồng tín dụng và số tiền gốc của 03 Hợp đồng tín dụng nêu trên nên VKS không đề cập. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả số tiền đối với 06 Hợp đồng là: 6.381.468.485đ; trong đó nợ gốc: 4.645.793.918đ; nợ lãi trong hạn: 595.088.917đ; lãi quá hạn 1.068.385.529đ; lãi phạt chậm trả lãi: 72.200.121đ (lãi tính đến ngày 17/01/2022) đối với số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/01/2022 là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Kể từ ngày 12/01/2022 đến ngày 17/01/2022 đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo thông báo số 173/2022/EIB/TB-TGD ngày 11/01/2022 về Thông báo lãi suất huy động Việt Nam Đồng đối với khách hàng cá nhân để tính lại lãi suất cho phù hợp.

Trong trường hợp bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hoặc vi phạm Hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp sẽ được phát mãi để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa Bị đơn, người liên quan, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Trần Thị Tố L có đơn xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành N gồm: Nguyễn Nhật L, Nguyễn Nhật L, Nguyễn Nhật N, Nguyễn Nhật An N và Nguyễn Thị N triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ theo quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan.

[3] Về nội dung: Căn cứ các hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201600331 ngày 04/4/2016; 1600-LAV-201701901 ngày 07/12/2017; 1600-LAV-201800520 ngày 27/3/2018; 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018; 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019; 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019; 1600-LAV-201600782 ngày 11/7/2016; 1600-LAV-201700301, ngày 08/3/2017; 1600-LAV-201601337, ngày 17/11/2016; Số 1600-LAV-201600881 ngày 03/8/2016 giữa Ngân hàng TMCP X và Công ty Dịch vụ T xác định Công ty Dịch vụ T có vay của Ngân hàng X số tiền tổng cộng của 10 Hợp đồng tín dụng nêu trên là 12.880.000.000đ; Mục đích vay: Thanh toán tiền đặt phòng khách sạn, vé máy bay, vé tàu, nhà hàng, vận chuyển khách... (bổ sung vốn kinh doanh trả góp); Thời hạn vay cụ thể của từng Hợp đồng 60 tháng; 48

tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm, 9,5%/năm; lãi suất cố định trong 12 tháng; sau thời gian cố định sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12T lãi cuối kỳ + 3,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay; lãi phạt chậm trả 10%/năm.

[4] Tài sản bảo đảm cho khoản vay đối với 09 hợp đồng tín dụng là Xe ô tô khách; Đối với Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-190098048, ngày 17/9/2019 tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại địa chỉ K194/37 đường Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Nguyễn Thành N (đã chết) và bà Trần Thị Tố L.

[5] Tại phiên tòa Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với các Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-20260782 ngày 11/7/2016; 1600-LAV-201700301 ngày 08/3/2017; 1600-LAV-201601337 ngày 17/11/2016; 1600-LAV-201600881 ngày 03/8/2016 và rút yêu cầu đối với số tiền gốc của các Hợp đồng số 1600-LAV-201600331 ngày 04/4/2016; 1600-LAV- 201701901 ngày 07/12/2017; 1600-LAV-201800520 ngày 27/3/2018.

[6] Nay Nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ đối với 06 Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-201600331 ngày 04/4/2016; 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019; 1600-LAV 201701901 ngày 07/12/2017; 1600-LAV-201800520 ngày 27/3/2018; 1600-LAV 201800986 ngày 08/6/2018; 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019 là: 6.381.468.485đ; trong đó nợ gốc: 4.645.793.918đ; nợ lãi trong hạn: 595.088.917đ; lãi quá hạn 1.068.385.529đ; lãi phạt chậm trả lãi: 72.200.121đ (lãi tính đến ngày 17/01/2022) và tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/01/2022 cho đến khi Công ty TNHH Dịch vụ T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

[7] Nếu Công ty TNHH Dịch vụ T không trả số tiền nói trên thì đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô đứng tên Công ty T theo Hợp đồng thế chấp số 19/2016-DN ngày 06/8/2019 đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019 và Hợp đồng thế chấp số 48/2018-DN ngày 05/6/2018 đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018; Nhà ở và quyền sử dụng đất đứng tên bà Trần Thị Tố L và ông Nguyễn Thành N (đã chết) tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại địa chỉ K194/37 đường Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp số 48/2018-DN ngày 05/6/2018, Hợp đồng thế chấp số 39/2016-DN, ngày 18/5/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01-39/2016-DN, ngày 17/9/2019 đảm bảo số tiền nợ gốc và lãi cho Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019 và số tiền lãi của các Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-201600331 ngày 04/4/2016; 1600-LAV 201701901 ngày 07/12/2017; 1600-LAV-201800520 ngày 27/3/2018 để thu hồi nợ.

[8] Không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với các hợp đồng thế chấp số 79/2016 ngày 03/8/2016; Số 105/2016 ngày 17/11/2016; Số 24/2017 ngày 07/3/2017; Số 66/2016 ngày 11/7/2016; 124/2017-DN, ngày 07/12/2017; 22/2018-DN ngày 27/3/2018; số 65/2019, ngày 06/8/2019.

[9] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Các hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH Dịch vụ T là hợp đồng vay tín dụng có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Dịch vụ T đã nhận đủ số tiền theo Hợp đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng được một phần tiền gốc và lãi. Hiện tại, Công ty T còn nợ Ngân hàng TMCP X tổng số tiền 6.381.468.485đ; trong đó nợ gốc: 4.645.793.918đ; nợ lãi trong hạn: 595.088.917đ; lãi quá hạn 1.068.385.529đ; lãi phạt chậm trả lãi: 72.200.121đ (lãi tính đến ngày 17/01/2022).

[10] Cụ thể các Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201600331 ngày 04/4/2016 nợ lãi trong hạn và quá hạn: 38.096.803đ

Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019 tổng nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 877.452.803đ.

Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201701901 ngày 07/12/2017 tổng nợ lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 122.250.644đ.

Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800520 ngày 27/3/2018 tổng nợ lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 254.664.135đ

Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018; tổng nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả : 1.058.717.463đ

Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019; tổng nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 4.030.286.664đ.

[11] Đã quá thời hạn trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng nhưng Công ty X vẫn chưa thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, buộc Công ty Dịch vụ T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc: 4.645.793.918đ. Đối với số tiền nợ lãi trong hạn: 595.088.917đ; lãi quá hạn 1.068.385.529đ; lãi phạt chậm trả lãi: 72.200.121đ, Ngân hàng đã tính trên số tiền nợ gốc theo đúng các Hợp đồng tín dụng nêu trên và mức lãi suất được áp dụng phù hợp với quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016, ngày 30/12/2016, quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và các Thông báo lãi suất huy động đối với khách hàng cá nhân theo từng thời kỳ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ tổng số tiền 6.381.468.485đ; trong đó nợ gốc: 4.645.793.918đ; nợ lãi trong hạn: 595.088.917đ; lãi quá hạn 1.068.385.529đ; lãi phạt chậm trả lãi: 72.200.121đ (lãi tính đến ngày 17/01/2022) và tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, theo Thông báo lãi suất huy động số 173/2022/EIB/TB-TGD, ngày 11/01/2022 và các Thông báo lãi suất huy động mới (nếu có) kể từ ngày 18/01/2022 cho đến khi thi hành xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại các Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[13] Xét yêu cầu đề nghị phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng thì thấy: Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô, căn cứ vào Điều 8 của Hợp đồng thế chấp số 19/2016-DN ngày 06/8/2019 đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-190079366 ngày

06/8/2019 và Hợp đồng thế chấp số 48/2018-DN ngày 05/6/2018 đảm bảo cho Hợp đồng số 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018, trong trường hợp bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hoặc vi phạm Hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp sẽ được phát mãi để thu hồi nợ cụ thể:

[14] Xe ô tô khách nhãn hiệu HUYNDAI; màu trắng; biển kiểm soát: 43B-051.42, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 078539 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 26/7/2019 đứng tên Công ty TNHH DV T sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 để thu hồi nợ cho Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/01/2022 là 877.452.803đ và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 18/01/2022 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

[15] Xe ô tô khách nhãn hiệu THACO; màu trắng; biển kiểm soát: 43B-042.85, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 056013 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 31/5/2018 đứng tên Công ty TNHH DV T sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 nhằm đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018, số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/01/2022 là: 1.058.717.436đ và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc chưa trả theo Hợp đồng tín dụng nói trên kể từ ngày 18/01/2022 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

[16] Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại địa chỉ K194/37 đường Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Nguyễn Thành N và bà Trần Thị Tố L theo Hợp đồng thế chấp số 48/2018-DN ngày 05/6/2018; Hợp đồng thế chấp số 39/2016-DN, ngày 18/5/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01-39/2016-DN, ngày 17/9/2019 bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019, căn cứ vào Điều 7, Điều 8 của Hợp đồng thế chấp, trường hợp Công ty không trả được nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng thì bà L và ông N có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty T, trường hợp Công ty T, bà L, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản sẽ được xử lý để thu hồi nợ đối với số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/01/2022 là 4.030.286.664đ; số tiền lãi của 03 Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-201600331; 1600-LAV-190079366; 1600-LAV-201800520 là 415.011.582đ và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả; tiền lãi chậm trả theo các Hợp đồng tín dụng nói trên kể từ ngày 18/01/2022 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

[17] Tuy nhiên, Ông Nguyễn Thành N đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm: Bà Nguyễn Thị N, Bà Trần Thị Tố L, chị Nguyễn Nhật L, anh Nguyễn Nhật L, cháu Nguyễn Nhật N, cháu Nguyễn Nhật An N (người đại diện hợp pháp cho cháu N và cháu N, bà Trần Thị Tố L) là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông N để lại phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông N để lại là trả số tiền nợ nói trên cho Ngân hàng thay cho ông N trong phạm vi di sản là nhà, đất do ông N để lại đã được thế chấp cho Ngân hàng, nếu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N không trả được nợ cho Ngân hàng thay Công ty T thì di sản nhà và đất do ông N để lại nói trên sẽ được phát mãi để thu hồi nợ theo Điều 299 Bộ luật dân sự 2015.

[18] Về án phí KDTM sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 6.381.468.485đ ($4.000.000.000đ = 112.000.000đ$) + (0,1% của số tiền vượt quá 4.000.000.000đ là $2.381.468.485đ \times 0,1\% = 2.381.468đ$) = 114.381.468đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 463; 466, 299 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ T.

2. Xử: Buộc Công ty TNHH Dịch Vụ T phải trả cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền: 6.381.468.485đ (Sáu tỷ ba trăm tám mươi một triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc: 4.645.793.918đ; nợ lãi trong hạn: 595.088.917đ; lãi quá hạn 1.068.385.529đ; lãi phạt chậm trả lãi: 72.200.121đ (lãi tính đến ngày 17/01/2022). Cụ thể từng hợp đồng tín dụng như sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201600331 ngày 04/4/2016 số tiền lãi trong hạn và quá hạn: 38.096.803đ (Ba mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm lẻ ba đồng).

2.2. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019 tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả là: 877.452.803đ (Tám trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn tám trăm lẻ ba đồng).

2.3. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201701901 ngày 07/12/2017 tổng nợ lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 122.250.644đ (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm năm mươi ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

2.4. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800520 ngày 27/3/2018 tổng nợ lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 254.664.135đ (Hai trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).

2.5. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018 tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả là: 1.058.717.436đ (Một tỷ không trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười bảy ngàn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

2.6. Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019 tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả là: 4.030.286.664đ (Bốn tỷ không trăm ba mươi triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng).

Công ty TNHH Dịch vụ T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X, kể từ ngày 18/01/2022 trên số tiền gốc chưa thanh toán và tiền lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết; theo Thông báo lãi suất huy động số 173/2022/EIB/TB-TGD, ngày 11/01/2022 và các Thông báo lãi suất huy động mới (nếu có) kể từ ngày 18/01/2022 cho đến khi thi hành xong toàn bộ các khoản nợ.

3. Trường hợp Công ty TNHH Dịch Vụ T không trả được nợ thì tài sản thế chấp là:

3.1 Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi nhãn hiệu HUYNDAI; màu trắng; biển kiểm soát: 43B-051.42, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 078539 do Phòng Cảnh sát giao

thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 26/7/2019 đứng tên Công ty TNHH DV T sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-190079366 ngày 06/8/2019 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/01/2022 là 877.452.803đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/01/2022 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

3.2. Xe ô tô khách nhãn hiệu THACO; màu trắng; biển kiểm soát: 43B-042.85, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 056013 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 31/5/2018 đứng tên Công ty TNHH DV T sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201800986 ngày 08/6/2018, số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/01/2022 là: 1.058.717.436đ và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc chưa trả theo Hợp đồng tín dụng nói trên kể từ ngày 18/01/2022 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

4. Trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ T, bà Trần Thị Tố L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành N không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019 trong phạm vi di sản do ông N để lại thì tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại địa chỉ K194/37 đường Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Nguyễn Thành N (đã chết) và bà Trần Thị Tố L theo Hợp đồng thế chấp số 48/2018-DN ngày 05/6/2018; Hợp đồng thế chấp số 39/2016-DN, ngày 18/5/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01-39/2016-DN, ngày 17/9/2019 sẽ được phát mãi để thu hồi nợ gốc, lãi cho Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-190098048 ngày 17/9/2019 là 4.030.286.664đ; tiền lãi của các Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-201600331; 1600-LAV-190079366; 1600-LAV-201800520 là 415.011.582đ (lãi tính đến ngày 17/01/2022) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả; tiền lãi chậm trả theo các Hợp đồng tín dụng nói trên kể từ ngày 18/01/2022 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

Sau khi Công ty TNHH Dịch vụ T trả hết toàn bộ số nợ nêu trên theo các hợp đồng tín dụng và chấm dứt thế chấp theo hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X phải hoàn trả cho Công ty T, bà Trần Thị Tố L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành N giấy tờ về tài sản thế chấp, đồng thời yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định tại Điều 350 Bộ luật dân sự.

5. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: 114.381.468đ (Một trăm mười bốn triệu ba trăm tám mươi một ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng), Công ty TNHH Dịch vụ T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền: 58.277.916 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm mười sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002183 ngày 27 tháng 7 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người liên quan và người đại diện hợp pháp cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hằng

